

Kon Tum, ngày 25 tháng 8 năm 2023

BẢN NIÊM YẾT THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

I. TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản – Trục thuộc Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum. Địa chỉ: 211 Trần Hưng Đạo, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

II. TỔ CHỨC CÓ TÀI SẢN ĐẤU GIÁ: Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Sa Thầy. Địa chỉ: Số 74 Hùng Vương, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

III. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CÁC LÔ TÀI SẢN ĐẤU GIÁ:

1. Tài sản đấu giá là: Quyền sử dụng 241 lô đất tại dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giãn dân tại làng Xộp, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

Diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, bước giá, tiền hồ sơ của từng lô (thửa) đất cụ thể như sau:

STT	Khu đất	Số lô	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm	Tiền đặt trước	Tiền hồ sơ	Bước giá	Ghi chú
I	KHU OT3							
1	OT3	Lô số 1	240,0	112.560.000	22.512.000	100.000	3.000.000	
2	OT3	Lô số 2	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
3	OT3	Lô số 3	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
4	OT3	Lô số 4	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
5	OT3	Lô số 5	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
6	OT3	Lô số 6	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
7	OT3	Lô số 7	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
8	OT3	Lô số 8	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
9	OT3	Lô số 9	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	

10	OT3	Lô số 10	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
11	OT3	Lô số 11	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
12	OT3	Lô số 12	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
13	OT3	Lô số 13	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
14	OT3	Lô số 14	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
15	OT3	Lô số 15	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
16	OT3	Lô số 16	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
17	OT3	Lô số 17	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
18	OT3	Lô số 18	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
19	OT3	Lô số 19	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
20	OT3	Lô số 20	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
21	OT3	Lô số 21	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
22	OT3	Lô số 22	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
23	OT3	Lô số 23	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
24	OT3	Lô số 24	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
25	OT3	Lô số 25	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
II	KHU OT4							
1	OT4	Lô số 1	545,0	332.995.000	66.599.000	200.000	3.000.000	
2	OT4	Lô số 2	256,0	114.176.000	22.835.000	100.000	3.000.000	
3	OT4	Lô số 4	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	

4	OT4	Lô số 5	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
5	OT4	Lô số 6	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
6	OT4	Lô số 7	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
7	OT4	Lô số 8	240,0	107.040.000	21.408.000	100.000	3.000.000	
8	OT4	Lô số 9	240,0	112.560.000	22.512.000	100.000	3.000.000	
III	KHU OT5							
1	OT5	Lô số 1	289,8	168.663.600	33.732.000	100.000	3.000.000	
2	OT5	Lô số 4	303,5	168.442.500	33.688.000	100.000	3.000.000	
IV	KHU OT6							
1	OT6	Lô số 1	266,6	131.433.800	26.286.000	100.000	3.000.000	
2	OT6	Lô số 2	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
3	OT6	Lô số 3	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
4	OT6	Lô số 4	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
5	OT6	Lô số 5	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
6	OT6	Lô số 6	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
7	OT6	Lô số 7	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
8	OT6	Lô số 8	320,6	150.040.800	30.008.000	100.000	3.000.000	
9	OT6	Lô số 9	302,6	141.616.800	28.323.000	100.000	3.000.000	
10	OT6	Lô số 10	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
11	OT6	Lô số 11	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	

14/5
TF

25/

12	OT6	Lô số 12	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
13	OT6	Lô số 13	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
14	OT6	Lô số 14	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
15	OT6	Lô số 15	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
16	OT6	Lô số 16	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
17	OT6	Lô số 17	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
18	OT6	Lô số 18	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
19	OT6	Lô số 19	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
20	OT6	Lô số 20	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
21	OT6	Lô số 21	426,9	199.789.200	39.957.000	100.000	3.000.000	
22	OT6	Lô số 22	354,0	195.054.000	39.010.000	100.000	3.000.000	
23	OT6	Lô số 23	290,0	159.790.000	31.958.000	100.000	3.000.000	
24	OT6	Lô số 24	272,6	158.108.000	31.621.000	100.000	3.000.000	
25	OT6	Lô số 25	546,0	333.606.000	66.721.000	200.000	3.000.000	
26	OT6	Lô số 26	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
27	OT6	Lô số 27	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
28	OT6	Lô số 28	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
29	OT6	Lô số 29	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
30	OT6	Lô số 30	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
31	OT6	Lô số 31	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	

32	OT6	Lô số 32	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
33	OT6	Lô số 33	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
34	OT6	Lô số 34	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
35	OT6	Lô số 35	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
36	OT6	Lô số 36	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
37	OT6	Lô số 37	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
38	OT6	Lô số 38	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
39	OT6	Lô số 39	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
40	OT6	Lô số 40	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
41	OT6	Lô số 41	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
42	OT6	Lô số 42	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
43	OT6	Lô số 43	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
44	OT6	Lô số 44	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
45	OT6	Lô số 45	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
46	OT6	Lô số 46	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
47	OT6	Lô số 47	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
48	OT6	Lô số 48	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
49	OT6	Lô số 49	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
50	OT6	Lô số 50	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
51	OT6	Lô số 51	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	

52	OT6	Lô số 52	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
53	OT6	Lô số 53	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
54	OT6	Lô số 54	232,0	103.472.000	20.694.000	100.000	3.000.000	
55	OT6	Lô số 55	298,7	133.220.200	26.644.000	100.000	3.000.000	
56	OT6	Lô số 56	220,0	98.120.000	19.624.000	100.000	3.000.000	
57	OT6	Lô số 57	220,0	98.120.000	19.624.000	100.000	3.000.000	
58	OT6	Lô số 58	351,0	164.619.000	32.923.000	100.000	3.000.000	
V	KHU OT11							
1	OT11	Lô số 1	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
2	OT11	Lô số 2	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
3	OT11	Lô số 3	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
4	OT11	Lô số 4	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
5	OT11	Lô số 5	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
6	OT11	Lô số 6	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
7	OT11	Lô số 7	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
8	OT11	Lô số 8	230,0	97.750.000	19.550.000	100.000	3.000.000	
9	OT11	Lô số 9	230,0	97.750.000	19.550.000	100.000	3.000.000	
10	OT11	Lô số 10	230,0	97.750.000	19.550.000	100.000	3.000.000	
11	OT11	Lô số 11	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
12	OT11	Lô số 12	332,8	141.440.000	28.288.000	100.000	3.000.000	

13	OT11	Lô số 13	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
14	OT11	Lô số 14	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
15	OT11	Lô số 15	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
16	OT11	Lô số 16	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
17	OT11	Lô số 17	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
18	OT11	Lô số 18	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
19	OT11	Lô số 19	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
20	OT11	Lô số 20	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
21	OT11	Lô số 21	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
22	OT11	Lô số 22	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
23	OT11	Lô số 23	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
24	OT11	Lô số 24	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
25	OT11	Lô số 25	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
26	OT11	Lô số 26	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
27	OT11	Lô số 27	342,6	145.605.000	29.121.000	100.000	3.000.000	
28	OT11	Lô số 28	586,7	323.271.700	64.654.000	200.000	3.000.000	
29	OT11	Lô số 29	445,0	245.195.000	49.039.000	200.000	3.000.000	
30	OT11	Lô số 30	332,86	155.778.480	31.155.000	100.000	3.000.000	
31	OT11	Lô số 31	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
32	OT11	Lô số 32	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	

33	OT11	Lô số 33	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
34	OT11	Lô số 34	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
35	OT11	Lô số 35	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
36	OT11	Lô số 36	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
37	OT11	Lô số 37	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
38	OT11	Lô số 38	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
39	OT11	Lô số 39	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
40	OT11	Lô số 40	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
41	OT11	Lô số 41	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
42	OT11	Lô số 42	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
43	OT11	Lô số 43	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
44	OT11	Lô số 44	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
45	OT11	Lô số 45	274,7	128.559.600	25.711.000	100.000	3.000.000	
46	OT11	Lô số 46	605,8	283.514.400	56.702.000	200.000	3.000.000	
47	OT11	Lô số 47	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
48	OT11	Lô số 48	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
49	OT11	Lô số 49	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
50	OT11	Lô số 50	232,0	108.576.000	21.715.000	100.000	3.000.000	
51	OT11	Lô số 51	230,5	107.874.000	21.574.000	100.000	3.000.000	
52	OT11	Lô số 52	205,1	95.986.800	19.197.000	100.000	3.000.000	

53	OT11	Lô số 54	288,0	135.936.000	27.187.000	100.000	3.000.000	
54	OT11	Lô số 55	375,8	186.772.600	37.354.000	100.000	3.000.000	
VI	KHU OT12							
1	OT12	Lô số 1	320,0	154.880.000	30.976.000	100.000	3.000.000	
2	OT12	Lô số 2	320,0	154.880.000	30.976.000	100.000	3.000.000	
3	OT12	Lô số 3	320,0	140.800.000	28.160.000	100.000	3.000.000	
4	OT12	Lô số 4	320,0	140.800.000	28.160.000	100.000	3.000.000	
5	OT12	Lô số 5	320,0	140.800.000	28.160.000	100.000	3.000.000	
6	OT12	Lô số 6	320,0	154.880.000	30.976.000	100.000	3.000.000	
7	OT12	Lô số 7	320,0	154.880.000	30.976.000	100.000	3.000.000	
8	OT12	Lô số 8	320,0	154.880.000	30.976.000	100.000	3.000.000	
9	OT12	Lô số 9	320,0	154.880.000	30.976.000	100.000	3.000.000	
10	OT12	Lô số 10	320,0	154.880.000	30.976.000	100.000	3.000.000	
11	OT12	Lô số 15	320,0	154.880.000	30.976.000	100.000	3.000.000	
12	OT12	Lô số 20	320,0	148.480.000	29.696.000	100.000	3.000.000	
13	OT12	Lô số 21	320,0	148.480.000	29.696.000	100.000	3.000.000	
14	OT12	Lô số 22	320,0	163.200.000	32.640.000	100.000	3.000.000	
15	OT12	Lô số 23	320,0	163.200.000	32.640.000	100.000	3.000.000	
16	OT12	Lô số 24	320,0	163.200.000	32.640.000	100.000	3.000.000	
17	OT12	Lô số 25	320,0	163.200.000	32.640.000	100.000	3.000.000	

18	OT12	Lô số 26	320,0	163.200.000	32.640.000	100.000	3.000.000	
19	OT12	Lô số 27	320,0	163.200.000	32.640.000	100.000	3.000.000	
20	OT12	Lô số 28	320,0	163.200.000	32.640.000	100.000	3.000.000	
21	OT12	Lô số 29	320,0	160.320.000	32.064.000	100.000	3.000.000	
22	OT12	Lô số 30	320,0	160.320.000	32.064.000	100.000	3.000.000	
23	OT12	Lô số 31	320,0	176.320.000	35.264.000	100.000	3.000.000	
24	OT12	Lô số 32	320,0	176.320.000	35.264.000	100.000	3.000.000	
25	OT12	Lô số 33	320,0	176.320.000	35.264.000	100.000	3.000.000	
26	OT12	Lô số 34	320,0	176.320.000	35.264.000	100.000	3.000.000	
27	OT12	Lô số 35	320,0	176.320.000	35.264.000	100.000	3.000.000	
VII	KHU OT13							
1	OT13	Lô số 1	232,0	103.704.000	20.740.000	100.000	3.000.000	
2	OT13	Lô số 2	232,0	103.704.000	20.740.000	100.000	3.000.000	
3	OT13	Lô số 3	232,0	103.704.000	20.740.000	100.000	3.000.000	
4	OT13	Lô số 4	232,0	103.704.000	20.740.000	100.000	3.000.000	
5	OT13	Lô số 5	232,0	103.704.000	20.740.000	100.000	3.000.000	
6	OT13	Lô số 6	232,0	103.704.000	20.740.000	100.000	3.000.000	
7	OT13	Lô số 7	232,0	103.704.000	20.740.000	100.000	3.000.000	
8	OT13	Lô số 8	232,0	103.704.000	20.740.000	100.000	3.000.000	
9	OT13	Lô số 9	232,0	103.704.000	20.740.000	100.000	3.000.000	

10	OT13	Lô số 10	232,0	103.704.000	20.740.000	100.000	3.000.000	
11	OT13	Lô số 11	232,0	103.704.000	20.740.000	100.000	3.000.000	
12	OT13	Lô số 12	232,0	103.704.000	20.740.000	100.000	3.000.000	
13	OT13	Lô số 13	232,0	103.704.000	20.740.000	100.000	3.000.000	
14	OT13	Lô số 14	232,0	103.704.000	20.740.000	100.000	3.000.000	
15	OT13	Lô số 15	232,0	103.704.000	20.740.000	100.000	3.000.000	
16	OT13	Lô số 16	232,0	103.704.000	20.740.000	100.000	3.000.000	
17	OT13	Lô số 17	232,0	103.704.000	20.740.000	100.000	3.000.000	
18	OT13	Lô số 18	232,0	103.704.000	20.740.000	100.000	3.000.000	
19	OT13	Lô số 19	232,0	103.704.000	20.740.000	100.000	3.000.000	
20	OT13	Lô số 21	232,0	103.704.000	20.740.000	100.000	3.000.000	
21	OT13	Lô số 22	232,0	103.704.000	20.740.000	100.000	3.000.000	
22	OT13	Lô số 23	232,0	103.704.000	20.740.000	100.000	3.000.000	
23	OT13	Lô số 29	294,3	150.093.000	30.018.000	100.000	3.000.000	
24	OT13	Lô số 30	252,7	128.877.000	25.775.000	100.000	3.000.000	
25	OT13	Lô số 31	275,1	140.301.000	28.060.000	100.000	3.000.000	
26	OT13	Lô số 32	426,8	235.166.800	47.033.000	200.000	3.000.000	
27	OT13	Lô số 33	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
28	OT13	Lô số 34	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
29	OT13	Lô số 35	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	

30	OT13	Lô số 36	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
31	OT13	Lô số 37	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
32	OT13	Lô số 38	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
33	OT13	Lô số 39	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
34	OT13	Lô số 40	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
35	OT13	Lô số 41	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
36	OT13	Lô số 42	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
37	OT13	Lô số 43	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
38	OT13	Lô số 44	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
39	OT13	Lô số 45	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
40	OT13	Lô số 46	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
41	OT13	Lô số 47	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
42	OT13	Lô số 48	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
43	OT13	Lô số 49	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
44	OT13	Lô số 50	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
45	OT13	Lô số 51	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
46	OT13	Lô số 52	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
47	OT13	Lô số 53	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
48	OT13	Lô số 54	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
49	OT13	Lô số 55	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	

50	OT13	Lô số 56	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
51	OT13	Lô số 57	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
52	OT13	Lô số 58	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
53	OT13	Lô số 59	232,0	98.600.000	19.720.000	100.000	3.000.000	
54	OT13	Lô số 60	238,0	118.286.000	23.657.000	100.000	3.000.000	
55	OT13	Lô số 61	240,0	108.480.000	21.696.000	100.000	3.000.000	
56	OT13	Lô số 62	240,0	108.480.000	21.696.000	100.000	3.000.000	
57	OT13	Lô số 63	240,0	108.480.000	21.696.000	100.000	3.000.000	
58	OT13	Lô số 64	240,0	108.480.000	21.696.000	100.000	3.000.000	
59	OT13	Lô số 65	240,0	108.480.000	21.696.000	100.000	3.000.000	
VIII	KHU OT20							
1	OT20	Lô số 3	232,2	94.273.200	18.854.000	100.000	3.000.000	
2	OT20	Lô số 4	228,3	92.689.800	18.537.000	100.000	3.000.000	
3	OT20	Lô số 5	224,2	91.025.200	18.205.000	100.000	3.000.000	
4	OT20	Lô số 6	222,3	90.253.800	18.050.000	100.000	3.000.000	
5	OT20	Lô số 23	224,7	91.228.200	18.245.000	100.000	3.000.000	
6	OT20	Lô số 24	248,0	100.688.000	20.137.000	100.000	3.000.000	
7	OT20	Lô số 25	235,0	95.410.000	19.082.000	100.000	3.000.000	
8	OT20	Lô số 26	233,7	94.882.200	18.976.000	100.000	3.000.000	

- Giá trúng đấu giá chưa bao gồm lệ phí trước bạ và phí địa chính. Khách hàng trúng đấu giá phải nộp các khoản phí, lệ phí theo quy định.

- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

- Mục đích sử dụng đất sau khi trúng đấu giá: Đất ở nông thôn.

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

- Vị trí: Xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

2. Thành phần hồ sơ:

2.1. Đơn đăng ký tham gia đấu giá tài sản.

2.2. Bản cam kết.

2.3. Căn cước công dân.

2.4. Giấy nộp tiền đặt trước.

2.5. Phiếu trả giá.

3. Thời gian tổ chức buổi công bố giá: Bắt đầu vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 9 năm 2023.

4. Địa điểm tổ chức buổi công bố giá: Tại Hội trường UBND huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

5. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, tham khảo hồ sơ tài sản đấu giá: Từ ngày thông báo đến 10 giờ, ngày 25/9/2023 tại: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Kon Tum (Số 211 Trần Hưng Đạo, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) và Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Sa Thầy (74 Hùng Vương, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum).

6. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ: Từ ngày thông báo đến 10 giờ, ngày 25/9/2023 tại: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Kon Tum (Số 211 Trần Hưng Đạo, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum).

7. Thời gian xem tài sản đấu giá: Từ ngày thông báo đến ngày 25/9/2023.

8. Địa điểm xem tài sản: Xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

9. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp, theo phương thức trả giá lên.

10. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Cá nhân, Hộ gia đình thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại điều 55 của Luật đất đai năm 2013 có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc vào trường hợp quy định tại Khoản 4, Điều 38, Luật đấu giá tài sản năm 2016. Người tham gia đấu giá đăng ký tham gia đấu giá thông qua việc nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ và quy định khác của pháp luật có liên quan. Trong trường hợp pháp luật có quy định về điều kiện khi tham gia đấu giá thì người tham gia đấu giá phải đáp ứng điều kiện đó. Người tham gia đấu giá có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thay mặt mình tham gia đấu giá.

* Tiền mua hồ sơ nộp bằng tiền mặt. Tiền đặt trước nộp bằng chuyển khoản, vào tài khoản số 5100201009520 của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản,

mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Kon Tum. Khách hàng nộp tiền đặt trước từ ngày 21 đến ngày 25/9/2023.

Để biết thêm chi tiết xin liên hệ tại: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản (số 211 Trần Hưng Đạo, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) và Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Sa Thầy (số 74 Hùng Vương, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum) số điện thoại: 0260.3911.069./.

Nơi nhận:

- TTDVĐG tài sản (Đề niêm yết);
- Hội trường UBND huyện Sa Thầy (Đề niêm yết);
- BQL dự án ĐTXD huyện Sa Thầy (Đề niêm yết);
- Trụ sở UBND xã Mô Rai (Đề niêm yết);
- Nơi có tài sản đấu giá;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (Để đăng tải);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Kon Tum (Để đăng tải);
- Cổng thông tin điện tử Sở Tư Pháp (Để đăng tải);
- Khách hàng đăng ký mua tài sản (kèm hồ sơ);
- Lưu: VT, HS/DGTS.

GIÁM ĐỐC



Đinh Xuân Thủy

B. 2. 1. 1

